



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG**



an independent member of

**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 32
8. Phụ lục	33 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003964 ngày 24 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi người đại diện theo pháp luật và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	28.000.000.000	20,74
Ông Nguyễn Bình Đông	10.000.000.000	7,41
Ông Đoàn Hồng Dũng	5.000.000.000	3,70
Các cổ đông khác	92.000.000.000	68,15
Cộng	135.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 38 622 501
Fax : (84-8) 38 622 974
Mã số thuế : 0304075529

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Khu B4, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh tại Vĩnh Phúc	Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc
Chi nhánh tại Cần Thơ	Số 150, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Văn phòng đại diện tại Hà Nội	Phòng 115, Tòa nhà CT5, Khu đô thị Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Từ Liêm, TP. Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, trang trí nội thất, sản xuất và mua bán máy móc thiết bị ngành cơ khí (không sản xuất tại trụ sở).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều gia tăng so với năm trước chủ yếu do Công ty mở rộng thị trường tiêu thụ miền Bắc và đẩy mạnh xuất khẩu ra nước ngoài.

Trong năm, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 230.000.000.000 VND. Theo kế hoạch, đợt phát hành sẽ kết thúc vào ngày 30 tháng 01 năm 2011. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, số tiền đã thu từ đợt phát hành này là 26.826.996.000 VND (thuyết minh V.25).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2010 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 theo Quyết định 02/QĐ-HDQT-10 ngày 30 tháng 11 năm 2010 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	2.288.881.152 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.039.687.847 VND
- Trích quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.789.000.000 VND
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2009	13.500.000.000 VND
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010	13.500.000.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Matthew Christian Everlyn Walker	Phó Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Đoàn Hồng Dũng	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Bình Đông	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Bà Phan Thị Lượng	Thành viên	25 tháng 2 năm 2006	-
Ông Trần Đức Huy	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	15 tháng 5 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Ngọc Sơn	Trưởng ban	25 tháng 2 năm 2006	-
Ông Nguyễn Hoàng Chân	Thành viên	29 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Bình	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đức Huy	Tổng Giám đốc	02 tháng 1 năm 2009	-
Ông Nguyễn Tấn Minh Triết	Phó Tổng Giám đốc	11 tháng 7 năm 2009	24 tháng 4 năm 2010
Ông Đặng Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	11 tháng 7 năm 2009	-
Ông Trần Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 7 năm 2010	-
Ông Nguyễn Trường Hải	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 7 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

2047448-
CÔNG TY
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0330/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 07 tháng 03 năm 2011, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Chúng tôi không có đủ thông tin để xem xét tính hợp lý của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 với số tiền là 8.340.237.477 VND (thuyết minh V.7).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		384.692.129.639	230.849.862.178
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	49.021.787.807	38.092.450.699
1. Tiền	111		49.021.787.807	38.092.450.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	102.505.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	102.505.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		165.891.146.326	84.483.541.686
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	121.623.160.184	71.046.186.524
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	2.015.429.704	7.031.573.065
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	45.477.184.886	9.191.808.933
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(3.224.628.448)	(2.786.026.836)
IV. Hàng tồn kho	140		163.370.379.057	103.106.620.950
1. Hàng tồn kho	141	V.6	173.341.956.649	107.296.667.691
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(9.971.577.592)	(4.190.046.741)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.408.816.449	5.064.743.843
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	501.090.524	539.654.595
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		105.707.391	89.906.965
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	5.802.018.534	4.435.182.283

ĐẠI
TRƯỞNG
K
QUẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133.218.244.656	108.740.510.960
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		77.363.846.117	83.092.352.719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	51.399.576.927	54.194.833.914
<i>Nguyên giá</i>	222		88.072.222.839	80.598.597.459
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(36.672.645.912)	(26.403.763.545)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	25.923.201.222	27.925.861.458
<i>Nguyên giá</i>	228		35.515.952.557	35.515.952.557
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.592.751.335)	(7.590.091.099)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	41.067.968	971.657.347
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.620.195.969	22.988.810.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	29.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	22.988.810.000	22.988.810.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(1.368.614.031)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.234.202.570	2.659.348.241
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	3.807.110.763	1.988.031.363
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	66.010.807	94.048.878
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1.361.081.000	577.268.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		517.910.374.295	339.590.373.138

2047.

ÔNG

NHIỆM

M TỌ

TỰ V

TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		281.461.024.715	128.379.511.957
I. Nợ ngắn hạn	310		280.403.317.349	127.752.661.071
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	143.291.241.523	51.503.215.841
2. Phải trả người bán	312	V.20	34.909.956.534	39.527.941.376
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	6.588.534.038	4.490.793.137
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	7.820.225.227	5.003.064.300
5. Phải trả người lao động	315	V.23	1.595.819.780	499.713.238
6. Chi phí phải trả	316	V.24	16.096.754.690	10.025.582.640
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	69.063.870.152	16.226.557.644
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	1.036.915.405	475.792.895
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.057.707.366	626.850.886
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	507.776.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.28	549.931.366	626.850.886
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		236.449.349.580	211.210.861.181
I. Vốn chủ sở hữu	410		236.449.349.580	211.210.861.181
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	38.000.000.000	38.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29	6.008.060.233	3.719.179.081
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	57.441.289.347	34.491.682.100
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		517.910.374.295	339.590.373.138

48-C.
 TỶ
 HỮU HẠ
 N VÀ
 ẮN
 CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

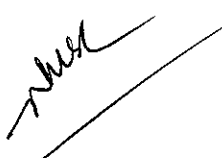
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	698.605.862
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		275.696.339	275.696.339
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		109.299,67	169.229,98
Dollar Singapore (SGD)		485,92	485,44
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2011


Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu


Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.089.776.720.065	752.737.029.305
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3.724.898.760	1.404.181.958
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.086.051.821.305	751.332.847.347
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	944.547.004.870	651.052.163.320
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		141.504.816.435	100.280.684.027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.443.681.490	1.598.737.109
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18.314.727.669	8.273.853.931
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.927.642.273	5.155.530.461
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	45.495.684.041	30.550.059.589
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	15.998.741.820	12.984.352.945
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		65.139.344.395	50.071.154.671
11. Thu nhập khác	31	VI.7	892.241.041	858.710.113
12. Chi phí khác	32	VI.8	106.840.826	685.261.462
13. Lợi nhuận khác	40		785.400.215	173.448.651
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.924.744.610	50.244.603.322
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	6.829.530.293	4.561.029.169
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	28.038.071	(94.048.878)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>59.067.176.246</u>	<u>45.777.623.031</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>4.375</u>	<u>3.391</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2011


Phạm Thị Đẹp
 Người lập biểu


Nguyễn Văn Tuấn
 Kế toán trưởng


Trần Đức Huy
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		65.924.744.610	50.244.603.322
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10,V.11	12.272.840.697	11.415.073.103
- Các khoản dự phòng	03	V.5,V.7,V.15	7.588.746.494	(9.558.277.623)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	293.719.396	(327.069.492)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7, VI.8	9.078.313	15.305.139
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.927.642.273	5.155.530.461
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		101.016.771.783	56.945.164.910
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.422.439.856)	5.650.691.649
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(65.767.236.659)	13.903.644.166
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.712.466.567	8.384.193.189
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.328.603.379)	903.634.249
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24,VI.4	(14.015.706.768)	(5.173.186.850)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(5.346.105.184)	(901.561.740)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		43.708.031.295	17.926.177.251
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(66.540.027.724)	(50.501.598.394)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.982.849.925)	47.137.158.430
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(7.486.606.332)	(5.071.301.259)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	2.604.545	635.496.662
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		102.505.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(29.000.000.000)	(2.796.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.381.496.787)	(7.232.604.597)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

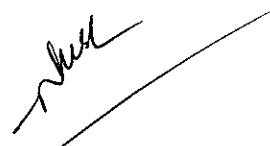
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	VI.29	-	(1.627.196.553)
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19,V.27	473.540.245.014	221.097.228.779
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19,V.27	(381.244.443.332)	(237.675.048.680)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	(26.960.100.000)	(4.444.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		65.335.701.682	(22.649.416.454)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.971.354.970	17.255.137.379
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.092.450.699	20.902.989.093
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(42.017.862)	(65.675.773)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	49.021.787.807	38.092.450.699

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2011


Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu


Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ - Xây dựng.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, trang trí nội thất, sản xuất và mua bán máy móc thiết bị ngành cơ khí (không sản xuất tại trụ sở).
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 476 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 416 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều gia tăng so với năm trước chủ yếu do Công ty mở rộng thị trường tiêu thụ miền Bắc và đẩy mạnh xuất khẩu ra nước ngoài.

Trong năm, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 230.000.000.000 VND. Theo kế hoạch, đợt phát hành sẽ kết thúc vào ngày 30 tháng 01 năm 2011. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, số tiền đã thu từ đợt phát hành này là 26.826.996.000 VND (thuyết minh V.25).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 03 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

ANH
★

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

- Quyền sử dụng đất tại số 86 Kinh Dương Vương, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại số Khu công nghiệp Hiệp Phước được khấu hao theo thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (43 năm).
- Quyền sử dụng đất tại Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc được xác định căn cứ theo giá thị trường và đã được các cổ đông thống nhất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (48 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa là chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hóa. Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 22 tháng 4 năm 2006. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 36 tháng.

Chi phí thuê nhà

Chi phí thuê nhà lưu trú cho công nhân thực hiện công trình được phân bổ theo thời hạn của hợp đồng thuê nhà (23 năm).

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Văn phòng miền Nam là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và của Chi nhánh là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/12/2010 : 18.932 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Hợp đồng xây dựng

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.557.979.898	4.468.749.039
Tiền gửi ngân hàng	44.463.807.909	33.623.701.660
Cộng	49.021.787.807	38.092.450.699

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Trụ sở chính	75.709.966.427	55.895.283.187
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	45.913.193.757	15.150.903.337
Cộng	121.623.160.184	71.046.186.524

Các khoản phải thu trị giá 2 triệu USD được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Trụ sở chính	1.628.216.469	2.261.446.925
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	387.213.235	4.770.126.140
Cộng	2.015.429.704	7.031.573.065

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế nhập khẩu tạm nộp	10.813.735.413	6.730.847.159
Phải thu tiền chiết khấu hàng mua	7.206.773.099	2.276.508.971
Ông Nguyễn Thành Hưng - tiền cho mượn	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Bá Thọ - tiền cho mượn	200.000.000	-
Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông - chi hộ tiền đầu tư xây dựng nhà máy tại Hưng Yên	26.612.741.736	-
Các khoản phải thu khác	543.934.638	84.452.803
Cộng	45.477.184.886	9.191.808.933

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	1.314.042.483	2.169.930.416
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	247.029.115	48.919.602
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.663.556.850	567.176.818
Cộng	3.224.628.448	2.786.026.836

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	2.786.026.836
Trích lập dự phòng bổ sung	438.601.612
Số cuối năm	<u>3.224.628.448</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	15.749.685.201	11.450.507.020
Nguyên liệu, vật liệu	106.322.547.049	66.514.505.100
Công cụ, dụng cụ	522.805.822	120.838.747
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.851.744.144	1.064.928.877
Thành phẩm	38.923.007.379	21.917.041.254
Hàng hóa	8.519.617.212	6.228.846.693
Hàng gửi đi bán	452.549.842	-
Cộng	<u>173.341.956.649</u>	<u>107.296.667.691</u>

Một số nguyên vật liệu thép cuộn, tole cuộn có giá trị ghi sổ là 3.217.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.027.621.905	2.563.342.636
Thành phẩm	4.943.955.687	1.626.704.105
Cộng (*)	<u>9.971.577.592</u>	<u>4.190.046.741</u>

(*) Trong đó:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Chi nhánh	8.340.237.477
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Trụ sở chính	1.631.340.115

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	4.190.046.741
Trích lập dự phòng bổ sung	5.781.530.851
Số cuối năm	<u>9.971.577.592</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng	5.568.981	68.809.204
Chi phí bảo lãnh	-	4.315.998
Chi phí bảo trì, sửa chữa	104.717.486	77.965.596
Chi phí khác	390.804.057	388.563.797
Cộng	<u>501.090.524</u>	<u>539.654.595</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.325.799.946	943.697.216
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.476.218.588	3.464.003.071
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	27.481.996
Cộng	5.802.018.534	4.435.182.283

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	33.999.280.089	36.744.145.770	8.995.731.139	859.440.461	80.598.597.459
Tăng trong năm	240.699.821	5.035.318.050	1.400.330.841	810.257.620	7.486.606.332
Giảm trong năm	-	-	-	(12.980.952)	(12.980.952)
Số cuối năm	34.239.979.910	41.779.463.820	10.396.061.980	1.656.717.129	88.072.222.839
Trong đó					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.965.717.100	210.306.667	152.820.164	2.328.843.931
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.605.092.110	16.777.733.911	3.645.787.261	375.150.263	26.403.763.545
Tăng trong năm	1.970.927.460	6.441.643.627	1.630.011.976	227.597.398	10.270.180.461
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.298.094)	(1.298.094)
Số cuối năm	7.576.019.570	23.219.377.538	5.275.799.237	601.449.567	36.672.645.912
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	28.394.187.979	19.966.411.859	5.349.943.878	484.290.198	54.194.833.914
Số cuối năm	26.663.960.340	18.560.086.282	5.120.262.743	1.055.267.562	51.399.576.927

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 58.020.776.536 VND và 37.695.124.626 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	19.177.722.157	16.000.000.000	338.230.400	35.515.952.557
Tăng trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	19.177.722.157	16.000.000.000	338.230.400	35.515.952.557
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.440.831.123	5.999.999.985	149.259.991	7.590.091.099
Tăng trong năm	337.114.152	1.599.999.996	65.546.088	2.002.660.236
Số cuối năm	1.777.945.275	7.599.999.981	214.806.079	9.592.751.335
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	17.736.891.034	10.000.000.015	188.970.409	27.925.861.458
Số cuối năm	17.399.776.882	8.400.000.019	123.424.321	25.923.201.222

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 17.873.922.157 VND và 16.254.424.822 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	968.903.102	460.322.399	(1.390.911.778)	38.313.723
Sửa chữa lớn TSCĐ	2.754.245	1.593.484.329	(1.593.484.329)	2.754.245
Cộng	971.657.347	2.053.806.728	(2.984.396.107)	41.067.968

13. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Hiệp Phú.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101288280 ngày 09 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần Hiệp Phú 94.500.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 29.000.000.000 VND, tương đương 28% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần Hiệp Phú là 65.500.000.000 VND.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh Vĩnh Tường Campuchia ⁽ⁱ⁾	20.192.010.000	20.192.010.000
VTJ (Singapore) Private Limited ⁽ⁱⁱ⁾	2.796.800.000	2.796.800.000
Cộng	22.988.810.000	22.988.810.000

- (i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 67/BKH - ĐTRNN ngày 24 tháng 09 năm 2007 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh Vĩnh Tường 1.225.000 USD, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 206/BKH - ĐTRNN ngày 09 tháng 12 năm 2008 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào VTJ (Singapore) Private Limited 160.000 USD, tương đương 40% vốn điều lệ.

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào VTJ (Singapore) Private Limited.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	237.897.210	954.223.886	(516.041.007)	676.080.089
Lợi thế thương mại ^(*)	1.669.786.436	-	(274.485.456)	1.395.300.980
Chi phí sửa chữa	80.347.717	1.593.484.329	(345.928.439)	1.327.903.607
Chi phí thuê nhà	-	420.000.000	(12.173.913)	407.826.087
Cộng	1.988.031.363	2.967.708.215	(1.148.628.815)	3.807.110.763

- (*) Khoản chênh lệch giữa giá trị nhận góp vốn với giá trị tài sản thuần (giá trị tài sản thuần đã được định giá lại bởi Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A) của Công ty cổ phần Vĩnh Tường (Chi nhánh Vĩnh Phúc) tại thời điểm nhận sáp nhập Chi nhánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	94.048.878
Số hoàn nhập	(28.038.071)
Số cuối năm	<u>66.010.807</u>

18. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược thuê văn phòng.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	124.134.017.523	51.503.215.841
Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh ^(a)	6.400.000.000	12.713.000.000
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(b)	103.002.932.103	38.790.215.841
Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam ^(c)	620.112.979	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín ^(d)	14.110.972.441	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ^(e)	19.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.27)	157.224.000	-
Cộng	<u>143.291.241.523</u>	<u>51.503.215.841</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán L/C và bảo lãnh trong nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh; giá trị cổ phiếu Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường của Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan, Bà Đoàn Thị Ngọc Ân, Bà Ngô Bảo Ly, Ông Đoàn Quang Minh và Ông Trần Đức Huy.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 86 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh; tài sản gắn liền với đất; các khoản phải thu giá trị 2 triệu USD và bảo lãnh cá nhân từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan trị giá 8 triệu USD.

(c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà xưởng, máy móc và hàng hóa tại Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

(d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán L/C và bảo lãnh trong nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp căn nhà tại số 86 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường; nguyên vật liệu trong kho (bao gồm thép cuộn, tole cuộn) trị giá 3.217.000.000 VND và 5 căn nhà thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Ngọc Loan, ông Đoàn Hồng Dũng.

(e) Khoản vay cá nhân trong Công ty để bổ sung vốn lưu động theo lãi suất 0%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	51.503.215.841	445.825.245.014	-	(373.194.443.332)	124.134.017.523
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	27.000.000.000	-	(8.000.000.000)	19.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	157.224.000	-	157.224.000
Cộng	51.503.215.841	472.825.245.014	157.224.000	(381.194.443.332)	143.291.241.523

20. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Trụ sở chính	17.837.737.096	36.539.526.091
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	17.072.219.438	2.988.415.285
Cộng	34.909.956.534	39.527.941.376

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Trụ sở chính	1.060.646.807	480.167.967
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	5.527.887.231	4.010.625.170
Cộng	6.588.534.038	4.490.793.137

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	454.950.464	8.511.895.303	(7.095.624.923)	1.871.220.853
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	88.521.041	8.078.426.675	(7.988.388.932)	178.558.784
Thuế xuất, nhập khẩu	45.677.934	5.111.824.436	(5.091.344.343)	66.158.027
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.299.453.021	6.829.530.293	(5.346.105.184)	5.782.878.121
Thuế thu nhập cá nhân	114.461.840	741.565.635	(934.618.033)	(78.590.558)
Các loại thuế khác	-	691.179.311	(691.179.311)	-
Cộng	5.003.064.300	29.964.421.653	(27.147.260.726)	7.820.225.227

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15%. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập khác là 25%.

Trụ sở chính được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 07 năm tiếp theo. Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Trụ sở chính hoạt động kinh doanh có lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi nhánh tại Vĩnh Phúc được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 07 năm tiếp theo. Năm tài chính 2005 là năm đầu tiên Chi nhánh Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.924.744.610	50.244.603.322
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.717.852.188	5.422.236.921
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(12.478.542.878)
Thu nhập chịu thuế	74.642.596.798	43.188.297.365
Trong đó:		
- Thu nhập được ưu đãi (thuế suất 15%)	67.596.535.199	43.371.232.348
- Thu nhập không được ưu đãi (thuế suất 25%)	7.046.061.599	(182.934.983)
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	11.900.995.679	6.684.797.203
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(5.069.740.139)	(3.084.207.854)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài Chính	-	(1.080.176.805)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(1.725.247)	2.040.616.625
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>6.829.530.293</u>	<u>4.561.029.169</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

24. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	911.935.505	-
Hoa hồng môi giới	500.000.000	-
Chi phí các chương trình khuyến mại	3.173.004.870	2.750.383.091
Chi phí chiết khấu	970.421.251	1.945.955.824
Chi phí vận chuyển	1.468.631.779	881.851.303
Trích trước chi phí các công trình	6.054.591.272	2.891.624.430
Chi phí bảo hành công trình	941.580.959	941.580.959
Chi phí khác	2.076.589.054	614.187.033
Cộng	<u>16.096.754.690</u>	<u>10.025.582.640</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	20.228.333
Kinh phí công đoàn	102.502.486	113.461.981
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	341.147.825	119.937.555
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - tiền mượn	26.800.000.000	-
Ông Đặng Minh Phương - tiền mượn	1.440.000.000	530.000.000
Cổ tức phải trả	13.500.000.000	13.460.100.000
Thu tiền mua cổ phiếu	26.826.996.000	-
Phải trả khác	53.223.841	1.982.829.775
Cộng	69.063.870.152	16.226.557.644

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	475.792.895
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	6.828.687.847
Chi quỹ	(6.267.565.337)
Số cuối năm	1.036.915.405

27. Vay và nợ dài hạn

Các khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam để mua ô tô và đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	157.224.000
Trên 01 năm đến 05 năm	507.776.000
Tổng nợ	665.000.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	715.000.000
Số tiền vay đã trả	(50.000.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(157.224.000)
Số cuối năm	507.776.000

28. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	626.850.886
Số trích lập bổ sung	-
Số đã chi	(76.919.520)
Số cuối năm	549.931.366

3204
CỘNG
HÒA
KIỂM
TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	135.000.000.000	38.000.000.000	2.401.040.520	6.432.102.463	181.833.142.983
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	45.777.623.031	45.777.623.031
Trích lập các quỹ	-	-	1.318.138.561	(4.218.043.394)	(2.899.904.833)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Số dư cuối năm trước	135.000.000.000	38.000.000.000	3.719.179.081	34.491.682.100	211.210.861.181
Số dư đầu năm nay	135.000.000.000	38.000.000.000	3.719.179.081	34.491.682.100	211.210.861.181
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	59.067.176.246	59.067.176.246
Trích lập các quỹ	-	-	2.288.881.152	(9.117.568.999)	(6.828.687.847)
Chia cổ tức	-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	135.000.000.000	38.000.000.000	6.008.060.233	57.441.289.347	236.449.349.580

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	13.460.100.000
Tạm ứng cổ tức	13.500.000.000
Cộng	26.960.100.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.089.776.720.065	752.737.029.305
- Doanh thu bán hàng hóa	572.576.293.291	352.473.248.067
- Doanh thu bán thành phẩm	493.264.409.765	369.913.377.912
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	19.158.510
- Doanh thu hoạt động xây dựng	23.936.017.009	30.331.244.816
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(3.724.898.760)	(1.404.181.958)
- Chiết khấu thương mại	-	(1.038.959.439)
- Giảm giá hàng bán	-	(266.857.482)
- Hàng bán bị trả lại	(3.724.898.760)	(98.365.037)
Doanh thu thuần	1.086.051.821.305	751.332.847.347
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	572.576.293.291	351.312.179.273
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	489.539.511.005	369.670.264.748
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	19.158.510
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	23.936.017.009	30.331.244.816

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	524.001.355.998	327.764.327.848
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	389.217.171.037	305.859.177.078
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	24.832.692.750	29.641.606.468
Dự phòng khoản thuế nhập khẩu tạm nộp	714.254.234	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.781.530.851	(12.212.948.074)
Cộng	944.547.004.870	651.052.163.320

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	193.678.962	258.181.006
Chiết khấu thanh toán	1.783.581.007	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	327.069.492
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.466.421.521	1.013.486.611
Cộng	3.443.681.490	1.598.737.109

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.927.642.273	5.155.530.461
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	293.719.396	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.656.960.302	3.072.320.736
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính	1.368.614.031	-
Chi phí khác	67.791.667	46.002.734
Cộng	18.314.727.669	8.273.853.931

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.279.229.346	8.572.747.265
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	671.736.839	382.242.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.220.194.525	2.342.249.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.654.074.541	16.081.448.832
Chi phí khác	6.670.448.790	3.171.371.706
Cộng	45.495.684.041	30.550.059.589

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.730.363.717	4.553.273.346
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	478.470.594	262.340.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	657.842.399	337.381.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.509.698.760	3.696.816.013
Chi phí khác	3.622.366.350	4.134.541.749
Cộng	15.998.741.820	12.984.352.945

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.604.545	635.496.662
Nhà cung cấp bồi thường hàng hỏng	201.791.319	-
Thu tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	473.444.536	-
Các khoản khác	214.400.641	223.213.451
Cộng	892.241.041	858.710.113

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	11.682.858	650.801.801
Phạt do vi phạm hợp đồng	58.399.314	-
Các khoản khác	36.758.654	34.459.661
Cộng	106.840.826	685.261.462

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.067.176.246	45.777.623.031
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	59.067.176.246	45.777.623.031
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.375	3.391

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Vay tiền	22.350.000.000	14.000.000.000
Mượn tiền	30.000.000.000	2.947.350.000
Ban điều hành		
Vay tiền	350.000.000	-
Mượn tiền	910.000.000	1.530.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	45.800.000.000	1.887.350.000
Ban điều hành	1.440.000.000	530.000.000
Cộng nợ phải trả	47.240.000.000	2.417.350.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.342.245.664	2.352.174.075
Tiền thưởng	153.897.000	364.585.500
Các khoản khác	-	17.632.780
Cộng	3.496.142.664	2.734.392.355

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần Hiệp Phú	Công ty con
Công ty liên doanh Vĩnh Tường Campuchia	Công ty liên kết
Công ty liên doanh Vĩnh Tường Singapore	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Vĩnh Tường	Công ty có quan hệ mật thiết

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Tường</i>		
Chi hộ	46.610.000	-
Bán hàng	-	153.933.161
<i>Công ty liên doanh Vĩnh Tường Campuchia</i>		
Bán hàng	40.746.535.749	10.102.060.791
Chi hộ	85.432.831	56.952.000
<i>Công ty liên doanh Vĩnh Tường Singapore</i>		
Bán hàng	8.733.137.449	1.422.641.000
Chi hộ		24.245.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Tường</i>		
Phải thu tiền hàng	389.651.999	343.041.999
<i>Công ty liên doanh Vĩnh Tường Campuchia</i>		
Tiền hàng phải thu	24.883.223.084	9.716.603.038
Phải thu khác	40.660.331	1.909.000
<i>Công ty liên doanh Vĩnh Tường Singapore</i>		
Tiền hàng phải thu	4.982.477.757	278.128.020
Phải thu khác	-	13.327.000
Cộng nợ phải thu	<u>30.296.013.171</u>	<u>10.353.009.057</u>

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam, khu vực miền Bắc và xuất khẩu ra nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty được thể hiện ở phụ lục đính kèm từ trang 34 đến trang 35.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

4. Thuê hoạt động

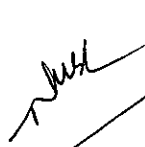
Các hợp đồng đã thuê

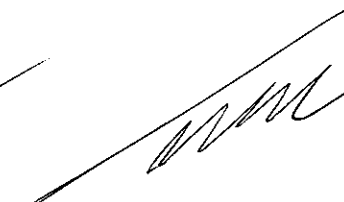
Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.054.724.870	159.896.080
Trên 01 năm đến 05 năm	4.354.492.478	424.760.640
Trên 05 năm	318.043.478	-
Cộng	<u>7.727.260.826</u>	<u>584.656.720</u>

Công ty thuê một số cửa hàng, chi nhánh và văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2006 đến năm 2033 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2011


Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu


Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý:

Năm nay	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	628.060.043.193	406.340.086.767	51.651.691.345	-	1.086.051.821.305
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	80.611.774.991	-	-	(80.611.774.991)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	708.671.818.184	406.340.086.767	51.651.691.345	(80.611.774.991)	1.086.051.821.305
Chi phí bộ phận	618.795.005.720	350.774.474.740	55.389.630.052	(80.411.149.861)	944.547.960.651
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89.876.812.464	55.565.612.027	(3.737.938.707)	(200.625.130)	141.503.860.654
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					61.772.315.845
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					79.731.544.809
Doanh thu hoạt động tài chính					3.443.681.490
Chi phí tài chính					18.314.727.669
Thu nhập khác					892.241.041
Chi phí khác					106.840.826
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					6.479.153.482
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					28.038.071
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					59.138.707.292

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

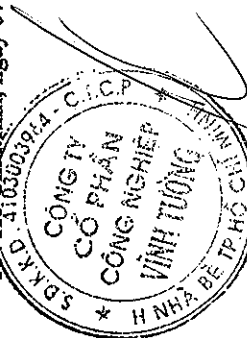
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Năm trước	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	555.712.260.044	181.683.346.013	13.937.241.290	-	751.332.847.347
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	78.698.290.427	-	-	(78.698.290.427)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	634.410.550.471	181.683.346.013	13.937.241.290	(78.698.290.427)	751.332.847.347
Chi phí bộ phận	562.165.991.531	152.255.279.533	15.226.013.795	(78.595.121.539)	651.052.163.320
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	72.244.558.940	29.428.066.480	(1.288.772.505)	(103.168.888)	100.280.684.027
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					43.534.412.534
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					56.746.271.493
Doanh thu hoạt động tài chính					1.598.737.109
Chi phí tài chính					8.273.853.931
Thu nhập khác					858.710.113
Chi phí khác					685.261.462
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					4.561.029.169
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(94.048.878)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					45.777.623.031

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2011



Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu